

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2023/HNGĐ - ST**

Ngày: 11/7/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiền và bà Đỗ Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Quàng Thị Thu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 21/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lầu Trung C; Địa chỉ: Bản K N, xã Th M, thành phố B, tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Bà Lò Thị M; Địa chỉ: Bản K N, xã Th M, thành phố B, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lầu Trung C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M lấy nhau không có có đăng ký kết hôn mà chỉ cưới theo phong tục tập quán vào khoảng tháng 03 năm 2002, vợ chồng sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến khoảng năm 2016 vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp trong cuộc sống cũng như làm kinh tế dẫn đến kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không bao ban được nhau, việc mâu thuẫn gia đình đã được tổ hòa giải của bản hòa giải phân tích động viên nhưng vợ chồng không thông cảm cho nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, hiện nay vợ

chồng đã sống ly thân. Đến nay ông C không còn tình cảm với bà M và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Ông C và bà M có 02 người con: Cháu thứ nhất Lầu Trung K, sinh ngày 07/01/2003, cháu K đã trưởng thành phát triển bình thường. Ông C không yêu C Tòa án giải quyết; cháu thứ hai Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009. Ông C xin nuôi cháu C. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông C không yêu C Tòa án giải quyết.

- Về con riêng: Không có.

- Về tài sản chung: Không yêu C Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có

2. Tại bản tự khai ngày 28/02/2023 bị đơn bà Lò Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà M và ông C lấy nhau không có đăng ký kết hôn mà chỉ cưới theo phong tục tập quán vào khoảng tháng 03 năm 2002, vợ chồng sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến khoảng năm 2016 vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp trong cuộc sống cũng như làm kinh tế dẫn đến kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng không bao ban được nhau, việc mâu thuẫn gia đình đã được tổ hòa giải của bản hòa giải phân tích động viên nhưng vợ chồng không thông cảm cho nhau, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Đến nay ông C làm đơn xin ly hôn bà M nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Bà M và ông C có 02 con chung: Cháu thứ nhất Lầu Trung K, sinh ngày 07/01/2003 cháu đã trưởng thành phát triển bình thường; cháu thứ hai Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009. Bà M nhất trí để cho ông C nuôi cháu C. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà M không yêu C Tòa án giải quyết.

- về con riêng: Bà M và ông C không có con riêng.

- Về tài sản chung: Không yêu C Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung (phải trả, lấy về): Không yêu C Tòa án giải quyết.

3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M là vợ chồng; Giao cháu Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009 cho ông C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu C Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu C của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu C Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Lầu Trung C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 21/02/2023 ông Lầu Trung C nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với bà Lò Thị M có địa chỉ: Bản K N, xã Th M, thành phố B, tỉnh Đ. Ngày 27/02/2023 ông C đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu C khởi kiện của ông C theo Điều 195 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu C Ly hôn giữa ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của Viện kiểm sát để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M khai thống nhất trình bày sống chung với nhau vào năm 2002 và thừa nhận hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Mặc dù, việc sống chung của ông C và bà M về ở với nhau đã làm đám cưới theo phong tục tập quán, đều được hai bên thừa nhận nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật để được công nhận là vợ chồng. Do đó, không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định “...*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu C ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng* ...”. Vì vậy, không công nhận ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M là vợ chồng.

[2.2] Xét về con chung: Ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M đều khai và công nhận có 02 con chung: cháu thứ nhất Lầu Trung K, sinh ngày 07/01/2003 cháu đã trưởng thành phát triển bình thường; cháu thứ hai Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009. Ông C và bà M thỏa thuận ông C sẽ trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung ông C và bà M không yêu C Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/5/2023 cháu Lầu Quốc C cũng đã có bản tự khai và nguyện vọng của cháu C mong muốn ở với ông C. Hiện nay cháu C đang ở với ông C. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009 cho ông C được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Riêng con chung tên Lầu Trung K, sinh ngày 07/01/2003 cháu đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đặt vấn đề xem xét.

[2.3] Về con riêng: Ông C và bà M đều khai và công nhận không có.

[3] Xét về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu C Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lầu Trung C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu C khởi kiện của ông Lầu Trung C

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của ông C và bà M như sau: Giao ông Lầu Trung C trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lầu Quốc C, sinh ngày 16/12/2009 cho đến khi 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu C Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu C của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng con chung tên Lầu Trung K, sinh ngày 07/01/2003 cháu đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đặt vấn đề xem xét.

2. Về con riêng: Không có

3. Về tài sản: Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu C Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lầu Trung C chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST, ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002167, ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lầu Trung C và bà Lò Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPĐBP;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh M, TP Điện Biên Phủ;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh DB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- *VKSND TPĐBP;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên;*
- *Chi cục THADS TPĐBP;*
- *Lưu VP;*
- *Tòa án tỉnh ĐB;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

